

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Văn hóa và Thể thao**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ
tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2024 của
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ
sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa,
Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền Sở Văn hóa và Thể thao cấp, điều chỉnh và
thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;*

*Căn cứ Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp, điều chỉnh
và thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số
3341/TTr-SVHTT ngày 24 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. (Có danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Văn hóa và Thể thao đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC của tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh quy trình nội bộ giải quyết các TTHC liên quan, hoàn thành trước ngày 06/01/2025.

2. Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết kèm theo Quyết định này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

- Thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo nội dung cụ thể tại Quyết định công bố TTHC đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và Ủy ban nhân dân tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

- Bãi bỏ các TTHC có số thứ tự 34, 35, 36, 37 phần A5 của Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bãi bỏ các TTHC cấp huyện lĩnh vực Văn hóa cơ sở có số thứ tự 1, 2 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn Phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THỪA THIÊN HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số 3334 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Phí/lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
I	CẤP TỈNH						
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (1.001029)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại các khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.v 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao 	Phân chữ in nghiêng
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (1.000963)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không qua 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.v 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ. - Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao 	Phân chữ in nghiêng

		hồ sơ hợp lệ.	12.000.000/giấy phép/lần thẩm định. - Tại các khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng; nhưng tổng mức thu không qua 6.000.000/giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	n) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	<i>UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Văn hoá và Thể thao cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường</i>		
3	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (1.001008)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.			- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao	Phản chữ in nghiêng
4	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (1.000922)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là 10.000.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.			- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao	Phản chữ in nghiêng
II	CẤP HUYỆN						

1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện (1.000903)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại khu vực khác <ul style="list-style-type: none"> + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công huyện. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ. - Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp huyện 	Phản chữ in nghiêng
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện (1.000831)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối 			<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp huyện 	Phản chữ in nghiêng

		với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.				
--	--	--	--	--	--	--

** Ghi chú: Nội dung chi tiết của các TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được công khai trên Cổng dịch vụ quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).*

- 02 TTHC cấp tỉnh có số thứ tự 01,03 áp dụng dịch vụ công trực tuyến một phần.
- 02 TTHC cấp tỉnh có số thứ tự 02,04 và 02 TTHC cấp huyện có số thứ tự 01,02 áp dụng dịch vụ công trực tuyến một phần.